

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Tạm phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị
lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ
chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự
nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban
hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
công lập;*

*Căn cứ Công văn số 6000/BNV-TCBC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ
Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp
công lập năm 2018;*

*Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban
Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;*

*Xét Tờ trình số 3609/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc thông qua tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2023; Báo*

cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tạm phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2023, cụ thể như sau:

I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.269 biên chế, trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao

- Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **15.682** biên chế (96,39%);
- Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **587** biên chế (3,61%);

2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao

- Đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành: **5.386** biên chế (33,11%), trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 5.036 biên chế (93,50%).
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 350 biên chế (6,50%).
- Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: **10.878** biên chế (66,86%), trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.646 biên chế (97,86%);
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 232 biên chế (2,14%).
 - Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: **05** biên chế (0,03%).

II. Các tổ chức hội có tính chất đặc thù: 76 biên chế, trong đó:

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;
2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;
3. Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 02 biên chế.

(Có Phụ lục giao biên chế kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /*QNV*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê



Phụ lục

TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Người làm việc

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực										
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
A	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	16.269	15.682	587	11.673	267	2.952	279	480	10	42	4	535	27
I	Sở, ban, ngành	5.386	5.036	350	1.413	35	2.952	279	294	10	42	4	335	22
1	Sở Nội vụ	15	15	0									15	
2	Sở Tư pháp	40	38	2									38	2
3	Sở Công Thương	24	23	1									23	1
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	144	133	11									133	11
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	73	2									73	2
6	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21	0									21	0
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	196	191	5	126	5	65							
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	214	4					214	4				
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	40	4							40	4		



TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.317	1.287	30	1.287	30								
11	Sở Y tế	3.166	2.887	279			2.887	279						
12	Sở Ngoại vụ	7	7	0									7	0
13	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	17	17	0									17	0
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11	5	6									5	6
15	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	86	80	6					80	6				
16	Quỹ Phát triển đất	3	3	0									3	0
17	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh	2	2	0							2	0		
II	UBND các huyện, thành phố	10.878	10.646	232	10.260	232	0	0	186	0	0	0	200	0
1	UBND huyện Bảo Lâm	1.381	1356	25	1.321	25			19				16	
2	UBND huyện Bảo Lạc	1.198	1173	25	1.151	25			10				12	
3	UBND huyện Hà Quảng	1.596	1570	26	1.518	26			28				24	
4	UBND huyện Hạ Lang	556	546	10	519	10			16				11	



TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
5	UBND huyện Hoà An	947	925	22	896	22			12				17	
6	UBND huyện Nguyên Bình	941	915	26	882	26			17				16	
7	UBND huyện Quảng Hoà	1.260	1235	25	1.186	25			22				27	
8	UBND huyện Thạch An	700	684	16	655	16			16				13	
9	UBND huyện Trùng Khánh	1.308	1286	22	1.234	22			26				26	
10	UBND thành phố Cao Bằng	991	956	35	898	35			20				38	
III	Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính	5	0	5									0	5
B	TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ	76												
I	Các hội ở cấp tỉnh	63												
1	Liên minh Hợp tác xã	14												
2	Hội Văn học nghệ thuật	7												
3	Hội Chữ thập đỏ	7												
4	Hội Người mù	5												



TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực									
			Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
5	Hội Đông y	6												
6	Hội Nhà báo	5												
7	Hội Khuyến học	1												
8	Hội Luật gia	1												
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1												
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6												
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1												
12	Hội Làm vườn	3												
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam điôxin	1												
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1												
15	Hội Kiến trúc sư	1												
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1												
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2												



TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực									
			Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghịệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
II	Hội Chữ thập đỏ tại các huyện, thành phố	11												
1	Bảo lâm	1												
2	Bảo Lạc	1												
3	Hà Quảng	2												
4	Hạ Lang	1												
5	Hòa An	1												
6	Nguyên Bình	1												
7	Quảng Hòa	1												
9	Thạch An	1												
12	Trùng Khánh	1												
13	Thành phố Cao Bằng	1												
III	Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính	2												